TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2026
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Út Nhỏ;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (cơ sở 2), đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 471/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Huyền T - sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh T.

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Bảo T1 - sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/8/2025 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Tôi và ông Huỳnh Bảo T1 không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối nên đến năm 2000 chúng tôi được cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K (cũ) vào ngày 04/6/2007.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi sống không

hợp nhau, nên vợ chồng cải vã nhưng không thường xuyên và chúng tôi đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là ông Huỳnh Bảo T1.

Về con chung: Tôi xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T2 - sinh ngày 01/01/2002 và Nguyễn Gia H - sinh ngày 21/6/2006, hiện nay các con đã trưởng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là ông Huỳnh Bảo T1.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 người con chung Nguyễn Ngọc T2 - sinh ngày 01/01/2002 và Nguyễn Gia H - sinh ngày 21/6/2006, hiện nay các con đã trưởng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

Đối với ông Huỳnh Bảo T1 trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Huyền T3 được ly hôn với ông Huỳnh Bảo T1. Về con chung: Bà T3 xác định vợ chồng có 02 người con chung Nguyễn Ngọc T2 - sinh ngày 01/01/2002 và Nguyễn Gia H - sinh ngày 21/6/2006, hiện nay các con đã trưởng thành nên bà T3 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Huỳnh Bảo T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Huyền T là nguyên đơn và ông Huỳnh Bảo T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông T1 được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điêu 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Huỳnh Bảo T1 là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Huỳnh Bảo T1 kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 04/6/2007 cho nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Huỳnh Bảo T1 là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn ông bà không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối nên ông bà chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau, vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Bà T cho rằng do vợ chồng sống không hợp nhau, nên vợ chồng cải vã nhưng không thường xuyên và ông bà đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Do đó, ngày 16/01/2026 và ngày 02/02/2026 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông T1 không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương ông T1 nữa nên cương quyết xin ly hôn với ông T1. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Huyền T.

Đối với ông Huỳnh Bảo T1, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông T1 tống đạt các văn

bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật và thông báo cho ông T1 qua điện thoại nhưng ông T1 không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Từ đó, cho thấy ông T1 đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của bà T. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Huỳnh Bảo T1 theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huyền T xác định bà và ông Huỳnh Bảo T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T2 - sinh ngày 01/01/2002 và Nguyễn Gia H - sinh ngày 21/6/2006, hiện nay con đã trưởng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Huyền T xác định bà và ông Huỳnh Bảo T1 không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Huyền T phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009987, ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Huỳnh Bảo T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huyền T xác định bà và ông Huỳnh Bảo T1 có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc T2 - sinh ngày 01/01/2002 và Nguyễn Gia H - sinh ngày 21/6/2006, hiện nay con đã trưởng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Huyền T phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số

0009987, ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 12/3/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Thạnh Đức, Tây Ninh;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh